

16. Vụ Tổ chức Cán bộ
17. Vụ Khoa giáo
18. Vụ Văn xã
19. Vụ Cải cách hành chính
20. Vụ Hành chính
21. Trung tâm Thông tin và Báo chí
22. Trung tâm Tin học
23. Cục Quản trị I
24. Cục Hành chính - Quản trị II (tại thành phố Hồ Chí Minh)
25. Phòng Tài vụ.

Ngoài cơ cấu tổ chức bộ máy Văn phòng Chính phủ, còn có các Ban, các Tổ nghiên cứu làm nhiệm vụ tư vấn cho Thủ tướng Chính phủ đặt bên cạnh Văn phòng Chính phủ do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập và trực tiếp giao nhiệm vụ.

Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định cụ thể nhiệm vụ, biên chế và quan hệ công tác của các đơn vị thuộc cơ cấu tổ chức của Văn phòng Chính phủ.

Điều 2. Mỗi Vụ do một Vụ trưởng, Cục do một Cục trưởng, Trung tâm do một Giám đốc Trung tâm, Phòng do một Trưởng phòng phụ trách. Giúp việc Vụ trưởng, Cục trưởng, Giám đốc Trung tâm, Trưởng phòng có một số Phó Vụ trưởng, Phó Cục trưởng, Phó Giám đốc Trung tâm và Phó trưởng phòng.

Các chức vụ nói trên do Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ bổ nhiệm, miễn nhiệm.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký. Bãi bỏ các Quyết định số 212/TTg ngày 31/12/1992, số 159/TTg ngày 06/04/1994 của Thủ tướng Chính phủ về cơ cấu tổ chức của Văn phòng Chính phủ.

Điều 4. Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, Bộ trưởng, Trưởng Ban Tổ chức - Cán bộ

Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Thủ tướng Chính phủ

PHAN VĂN KHẢI

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 785/QĐ-TTg ngày 29/08/1998 về việc thành lập Ban quản lý các khu công nghiệp Đồng Tháp.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 09 năm 1992;

Căn cứ Nghị định số 36/CP ngày 24/04/1997 của Chính phủ ban hành Quy chế Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu công nghệ cao;

Để thực hiện Quyết định số 699/QĐ-TTg ngày 10/08/1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp;

Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp, Bộ trưởng, Trưởng Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, Trưởng Ban quản lý các Khu công nghiệp Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay thành lập Ban quản lý các khu công nghiệp Đồng Tháp để quản lý các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

0967.74

www.ThuVienPhapLuat.com * Tel: +84-8-3845 6684

Ban quản lý các khu công nghiệp Đồng Tháp thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn quản lý khu công nghiệp theo quy định tại Điều 27 Quy chế Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu công nghệ cao ban hành kèm theo Nghị định số 36/CP ngày 24/04/1997 của Chính phủ.

Ban quản lý các khu công nghiệp Đồng Tháp có tư cách pháp nhân, có tài khoản, có con dấu hình Quốc huy, có biên chế và kinh phí hoạt động do ngân sách nhà nước cấp.

Điều 2. Ban quản lý các khu công nghiệp Đồng Tháp có Trưởng Ban, một số Phó Trưởng Ban, một số ủy viên và bộ máy giúp việc.

Việc bổ nhiệm Trưởng Ban, các Phó Trưởng Ban, các ủy viên và quy định bộ máy giúp việc Ban quản lý các khu công nghiệp Đồng Tháp thực hiện theo các Điều 26, 28 của Nghị định số 36/CP ngày 24/04/1997 của Chính phủ.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Trưởng Ban Quản lý các Khu công nghiệp Việt Nam, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp và Trưởng Ban quản lý các khu công nghiệp Đồng Tháp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng

NGUYỄN TẤN DŨNG

CÁC BỘ

LIÊN TỊCH

THƯƠNG MẠI - ỦY BAN DÂN TỘC VÀ MIỀN
NÚI - TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

THÔNG TƯ liên tịch số 11/1998/TTLT/
BTM-UBDTMN-BTC-BKHĐT ngày

31/07/1998 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 20/1998/NĐ-CP ngày 31/03/1998 của Chính phủ.

Căn cứ Nghị định số 20/1998/NĐ-CP ngày 31/03/1998 của Chính phủ về phát triển thương mại miền núi, hải đảo và vùng đồng bào dân tộc, liên Bộ Thương mại và Ủy ban Dân tộc và Miền núi - Tài chính - Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về: xây dựng chợ và cửa hàng thương mại nhà nước; trợ giá, trợ cước; doanh nghiệp nhà nước hoạt động thương mại ở miền núi, hải đảo và vùng đồng bào dân tộc; quản lý vốn dự trữ các mặt hàng chính sách như sau:

I. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU CHỈNH

1. Những địa bàn sau đây thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 20/1998/NĐ-CP:

1.1. Miền núi: bao gồm các tỉnh miền núi vùng cao, các tỉnh có huyện miền núi, các tỉnh có xã miền núi do Ủy ban Dân tộc và Miền núi quy định tại Quyết định số 21/UB-QĐ ngày 04/01/1993, Quyết định số 33/UB-QĐ ngày 04/06/1993, Quyết định số 08/UB-QĐ ngày 04/03/1994, Quyết định số 64/UB-QĐ ngày 26/08/1995, Quyết định số 68/UB-QĐ ngày 06/09/1997 về việc công nhận các xã, huyện, tỉnh là miền núi, vùng cao.

1.2. Hải đảo: theo quy định của Ủy ban Dân tộc và Miền núi.

1.3. Vùng đồng bào dân tộc: Ủy ban Dân tộc và Miền núi có hướng dẫn sau.

1.4. Khu vực miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc: Căn cứ trình độ phát triển ở từng vùng, theo 3 khu vực (I, II, III) miền núi, hải đảo và vùng đồng bào dân tộc được quy định tại Quyết định số 42/UB-QĐ ngày 25/03/1997 và số 21/1998/QĐ-UBDTMN ngày 25/02/1998 về việc công nhận ba khu vực.